

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 12 - VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 71/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Thanh Vũ.

Ông Đỗ Thành Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Lư Thái Duy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/TLST-DS ngày 13-4-2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST-DS, ngày 09-6-2026; Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 10-6-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2026/QĐST-DS, ngày 30-6-2026 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-DS, ngày 03-7-2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Địa chỉ: Số A, T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng: Ông Tạ Minh P-Trưởng phòng G (có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng trình bày:

Ngày 20/02/2025, bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D có gửi hồ sơ đến Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T1 – P1 (Ngân hàng) đề nghị xin vay vốn với

số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), để sử dụng vào mục đích: Bổ sung vốn nuôi bò thịt. Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T1 – P1 đã đồng ý cho vay và ký hợp đồng cho vay hạn mức số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025 cho bà T và ông D vay số tiền vốn 220.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng/giấy nhận nợ; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn nuôi bò thịt; Lãi suất cho vay:

+ Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;

+ Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 12,5%/năm;

(ii) Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần (“Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất”);

(iii) Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào Ngày Giải Ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày mười lăm (15) của tháng cuối cùng của Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu mười lăm (15) đó không phải là Ngày Làm Việc (“Ngày Xác Định Lãi Suất”);

+ Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 9.2 Điều kiện, điều khoản chung của hợp đồng cho vay thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01 (a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả lãi: Trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền nào theo Hợp đồng này (bao gồm trường hợp Bên vay được bên cho vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều 5.1 Điều kiện, điều khoản chung của Hợp đồng cho vay) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trả lãi vào ngày 15 hàng quý, nợ gốc theo kỳ hạn ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Tài sản bảo đảm: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D đồng ý tự nguyện thế chấp tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T1 – PGD Tiểu Cần để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, chi tiết các tài sản như sau: Quyền sử dụng đất diện tích 690m², thuộc 02 thửa đất số: 427, 1316, tờ bản đồ số 5 tại Xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC ngày 09/08/2019 được ký giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T1 – PGD Tiểu Cần.

Trong thời gian vay vốn đến ngày 15/11/2025 bà T và ông D có thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền bằng 18.755.093 đồng. Từ ngày

15/12/2025 đến nay bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Đến hạn trả nợ bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo đúng hợp đồng cho vay/giấy nhận nợ đã ký. Trong thời gian qua, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh T1 – PGD Tiểu Cần áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ nhưng đến nay bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D vẫn chưa thanh toán hết nợ vay cho ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng tổng cộng bằng 246.214.021 đồng; Trong đó vốn gốc bằng 220.000.000 đồng, nợ lãi bằng 26.214.021 đồng (lãi trong hạn bằng 18.448.496 đồng, lãi phạt gốc quá hạn bằng 7.114.866 đồng, lãi chậm trả lãi bằng 650.659 đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp theo cho đến ngày bà T và ông D thanh toán xong hợp đồng.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, do đương sự không có mặt tại địa phương Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có lập biên bản về việc không tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 bộ hồ sơ vay vốn (bản photo có chứng thực do ngân hàng cung cấp) gồm: Đơn khởi kiện (bản chính); Hợp đồng cho vay hạn mức số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC; hợp đồng thế chấp QSD đất số: 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC; Giấy CNQSD thửa đất 427, 1316, trang bổ sung giấy CNQSD đất; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSD đất, tài sản gắn liền với đất; biên bản giao nhận hồ sơ tài sản bảo đảm; văn bản ủy quyền ngày 25/6/2024; Quyết định bổ nhiệm cán bộ ngày 23/12/2024; Sao kê giao dịch tài khoản tiền vay; Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, các văn bản tố tụng của Tòa án đã thực hiện niêm yết đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

2. Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tổng cộng bằng 246.214.021 đồng; Trong đó vốn gốc bằng 220.000.000 đồng, nợ lãi bằng 26.214.021 đồng (lãi trong hạn bằng 18.448.496 đồng, lãi phạt gốc quá hạn bằng 7.114.866 đồng, lãi chậm trả lãi bằng 650.659 đồng).

Kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng hợp đồng cho vay số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025 cho đến khi thi hành án xong.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 92/2019/HĐBD/NHCT980.TC ngày 09/08/2019 gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 5, diện tích 520m², loại đất thổ quả và thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 5, diện tích 170m², cùng tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp Ngãi H, xã H, tỉnh Vĩnh Long), do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày ngày 31/7/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn D đến ngày 09/7/2019 cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn D để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

4. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì tranh chấp vừa nêu là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Đại diện ngân hàng có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án*: Ngày 20/02/2025, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T1 – PGD Tiểu Cần với bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D có ký hợp đồng cho vay hạn mức số: 27/2025-ĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025, Ngân hàng đồng ý cho bà T với ông D vay số tiền vốn bằng 220.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng/giấy nhận nợ; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn nuôi bò thịt; Lãi suất cho vay: (+) Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh;

(+) Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau: (i) Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 12,5%/năm; (ii) Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần (“Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất”); (iii) Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào Ngày Giải Ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày mười lăm (15) của tháng cuối cùng của Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu mười lăm (15) đó không phải là Ngày Làm Việc (“Ngày Xác Định Lãi Suất”); (+) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 9.2 Điều kiện, điều khoản chung của hợp đồng cho vay thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01 (a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; (+) Lãi suất chậm trả lãi: Trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền nào theo Hợp đồng này (bao gồm trường hợp Bên vay được bên cho vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều 5.1 Điều kiện, điều khoản chung của Hợp đồng cho vay) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Trả lãi vào ngày 15 hàng quý, nợ gốc theo kỳ hạn ghi trên từng Giấy nhận nợ.

[3] Để đảm bảo khoản vay tiền trên bà T và ông D vẫn duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC ngày 09/08/2019 là bà T và ông D đồng ý thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 5, diện tích 520m², loại đất thổ, quả và thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 5, diện tích 170m², cùng tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp Ngãi H, xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào sổ số G 912434 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/7/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn D đến ngày 09/7/2019 tặng cho cá nhân ông Nguyễn Văn D.

[4] Xét thấy các tài liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần C cung cấp. Như vậy người khởi kiện đã có đủ chứng cứ để chứng minh bà T và ông D có vay và ký nhận số tiền vốn gốc tại Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025 bằng 220.000.000 đồng. Từ ngày nhận tiền vay bà T và ông D có thanh toán lãi cho Ngân hàng bằng 18.755.093 đồng, còn tiền vốn gốc và lãi đến nay bà T và ông D chưa thanh toán xong.

[5] Căn cứ vào hợp đồng cho vay số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025, nếu bà T và ông D không trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng đã ký là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận được ghi trong hợp đồng, mặc dù bà T và ông D không đến Tòa án để giải quyết với Ngân hàng, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà Ngân hàng nộp khởi kiện và thực hiện việc niêm yết công khai đúng quy định để bà T và ông D có ý kiến trình bày về nội dung Ngân hàng khởi kiện. Do bà T và ông D không có mặt tại địa phương Tòa án có lập biên

bản về việc không tiến hành lấy lời khai được và có xác minh địa phương liên quan đến tài sản bà T và ông D đang thế chấp. Qua xác minh quyền sử dụng đất thế chấp và tài gắn liền với đất là của vợ chồng bà T và ông D, không có tài sản của người thứ ba tạo lập trên đất, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[6] *Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng*: Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC ngày 09/08/2019 có ghi bên thế chấp là bà T và ông D đồng ý thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 5, diện tích 520m², loại đất thổ quả và thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 5, diện tích 170m², cùng tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp Ngãi H, xã H, tỉnh Vĩnh Long), do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 31/7/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn D đến ngày 09/7/2019 cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn D.

Xét thấy hợp đồng thế chấp số: 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC, ngày 09/08/2019 để đảm bảo vay vốn của bà T và ông D tại Ngân hàng là hợp pháp tại thời điểm giao dịch, quá trình giải quyết tài sản thế chấp không có người thứ ba sử dụng và cũng không có tranh chấp với ai khác, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D phải chịu theo quy định của pháp luật; Ngân hàng không phải chịu án phí;

[8] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng vào Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Án dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

2. Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tổng cộng bằng 246.214.021 đồng; Trong đó vốn gốc bằng 220.000.000 đồng, nợ lãi bằng 26.214.021 đồng (lãi trong hạn bằng 18.448.496 đồng, lãi phạt gốc quá hạn bằng 7.114.866 đồng, lãi chậm trả lãi bằng 650.659 đồng).

Kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng hợp đồng cho vay số: 27/2025-HĐCVHM/NHCT980.TC ngày 21/02/2025 cho đến khi thi hành án xong.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 92/2019/HĐBĐ/NHCT980.TC ngày 09/08/2019 gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 5, diện tích 520m², loại đất thổ quả và thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 5, diện tích 170m², cùng tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp Ngãi H, xã H, tỉnh Vĩnh Long), do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày ngày 31/7/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn D đến ngày 09/7/2019 cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn D để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bị đơn bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D phải chịu 12.310.071 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải chịu án phí; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 5.822.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006683 ngày 10-4-2026 của Thi hành án tỉnh Vĩnh Long trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

5. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV12 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV12- Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Châm

